|  |  |
| --- | --- |
| **CHÍNH PHỦ**  **\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  ———————————— |
| Số: /2023/NĐ-CP | *Hà Nội, ngày tháng năm 2023* |

**Dự thảo (23.02.2023)**

**NGHỊ ĐỊNH**

**Quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình**

—————

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Phòng, chống bạo lực gia đình ngày 14 tháng 11 năm 2022;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình**.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 thông qua ngày 14 tháng 12 năm 2022 gồm: Khoản 2 Điều 3, khoản 3 Điều 19, khoản 2 Điều 22, khoản 8 Điều 25; khoản 3 Điều 39; khoản 5 Điều 40 và khoản 3 Điều 42 cụ thể là:

1. Quy định việc áp dụng hành vi bạo lực gia đình đối với người đã ly hôn; người chung sống như vợ chồng; người là cha, mẹ, con riêng, anh, chị, em của người đã ly hôn, của người chung sống như vợ chồng; người đã từng có quan hệ cha mẹ nuôi và con nuôi với nhau.

2. Quy định việc áp dụng biện pháp quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h và i khoản 1 Điều 22 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình đối với người nước ngoài cư trú, lưu trú ở Việt Nam.

3. Quy định về tổng đài điện thoại quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình để tiếp nhận, xử lý tin báo, tố giác về hành vi bạo lực gia đình.

4. Quy định chi tiết về cấm tiếp xúc theo quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã.

5. Quy định chi tiết về cơ sở khác tham gia trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình đăng ký về nội dung, phạm vi hoạt động với cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Quy định chi tiết về các điều kiện hoạt động của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình thành lập không vì mục đích lợi nhuận; quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình.

7. Quy định chi tiết ngân sách nhà nước cho phòng, chống bạo lực gia đình được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của cơ quan, tổ chức chính trị - xã hội được giao nhiệm vụ có liên quan đến phòng, chống bạo lực gia đình và nội dung chi, mức chi hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình được ngân sách nhà nước bảo đảm hằng năm.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động tại Việt Nam (sau đây gọi chung là tổ chức, cá nhân).

**Điều 3. Giải các từ ngữ**

Trong Nghị định này các từ ngữ sau đầy được hiểu như sau:

1. *Đến gần người bị bạo lực gia đình khi áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc* là phạm vi tiếp xúc với người bị bạo lực ở khoảng cách dưới 50m trong điều kiện không có tường hoặc vách ngăn kiên cố bảo đảm an toàn cho người bị bạo lực gia đình.

2. *Người yếu thế trong gia đình* bao gồm: trẻ em, phụ nữ có thai, phụ nữ nuôi con dưới 18 tháng, người mất năng lực hành vi dân sự, người không có khả năng tự chăm sóc.

3. *Cơ quan, tổ chức có thẩm quyền* là cơ quan Văn hóa, Thể thao và Du lịch; cơ quan Công an; cơ quan nơi làm việc của người bị bạo lực gia đình hoặc tổ chức chính trị - xã hội, chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp, tổ chức kinh tế mà người bị bạo lực gia đình là hội viên, thành viên, người lao động.

4. *Cá nhân có thẩm quyền* là người thi hành công vụ, nhiệm vụ do Tổ chức hoặc người đứng đầu tổ chức phân công hoặc trực tiếp thực hiện theo quyền được pháp luật quy định.

**Điều 4. Áp dụng tương tự với trường hợp người đã ly hôn, người chung sống với nhau như vợ chồng, người đã từng có quan hệ cha mẹ nuôi và con nuôi trong phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Người đã ly hôn

Người đã ly hôn trừ trường hợp hành vi quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình khi có hành vi bạo lực đối với người đã từng là vợ hoặc chồng của mình, người là con riêng, cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, anh chị em ruột của người từng là vợ hoặc chồng của mình thì áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Người sống chung với nhau như vợ chồng

a) Người chung sống với nhau như vợ chồng được hai bên gia đình tổ chức cưới theo nghi lễ truyền thống hoặc tôn giáo nhưng chưa đăng ký kết hôn có hành vi quy định tại khoản 1 Điều 3 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình đối với người được coi là vợ hoặc chồng của mình, người là con riêng, cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, anh chị em ruột của người được coi là vợ hoặc chồng của mình thuộc thì áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

b) Người chung sống với nhau như vợ chồng chưa được hai bên gia đình tổ chức cưới theo nghi lễ truyền thống hoặc tôn giáo và chưa đăng ký kết hôn trừ trường hợp có hành vi quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình mà có hành vi bạo lực đối với người được coi là vợ hoặc chồng của mình, người là con riêng, cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, anh chị em ruột của người được coi là vợ hoặc chồng của mình thì áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

3. Người đã từng có quan hệ cha mẹ nuôi và con nuôi

Người người đã từng có quan hệ cha mẹ nuôi và con nuôi trừ trường hợp có hành vi quy định tại điểm d khoản 1 Điều 3 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình mà có hành vi bạo lực với người đã từng có quan hệ cha mẹ nuôi và con nuôi quy định thì áp dụng các biện pháp xử lý theo quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

**Điều 5. Áp dụng pháp ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình, bảo vệ người bị bạo lực gia đình là người nước ngoài**

1. Áp dụng biện pháp ngăn chặn hành vi bạo lực gia đình là người nước ngoài

a) Người nước ngoài không có mối quan hệ hôn nhân, gia đình với người Việt Nam khi lưu trú, cư trú tại Việt Nam có hành vi bạo lực gia đình phải chấp hành biện pháp buộc chấm dứt hành vi bạo lực gia đình, trường hợp cần thiết có thể bị áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc theo quy định tại Chương II Nghị định này.

b) Người nước ngoài là thành viên gia đình Việt Nam khi đang lưu trú, cư trú tại Việt Nam có hành vi bạo lực gia đình phải chấp hành các biện pháp ngăn chặn như người Việt Nam có hành vi bạo lực gia đình, trừ trường hợp thuộc diện ngoại giao có quy định khác.

2. Áp dụng biện pháp bảo vệ khi người nước ngoài bị bạo lực gia đình

a) Người nước ngoài khi đang lưu trú, cư trú tại Việt Nam bị bạo lực gia đình được Nhà nước Việt Nam bảo vệ như công dân Việt Nam bị bạo lực gia đình.

b) Căn cứ điều kiện kinh tế và cơ sở vật chất của nơi xảy ra hành vi bạo lực gia đình, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chính sách bảo vệ, hỗ trợ người nước ngoài bị bạo lực gia đình.

3. Bộ Ngoại giao quy định chi tiết quy trình, thủ tục áp dụng biện pháp ngăn chặn và trường hợp thuộc diện ngoại giao không áp dụng quy định tai Điều này.

**Chương II**

**QUY ĐỊNH CỤ THỂ**

**Mục 1**

**TỔNG ĐÀI ĐIỆN THOẠI QUỐC GIA VỀ PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH, QUY TRÌNH TIẾP NHẬN, XỬ LÝ TIN BÁO, TỐ GIÁC VỀ HÀNH VI BẠO LỰC GIA ĐÌNH CỦA TỔNG ĐÀI ĐIỆN THOẠI QUỐC GIA PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH**

**Điều 6. Tổng đài điện thoại quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Tiếp nhận thông báo, tố giác từ cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, doanh nghiệp, gia đình, cá nhân về các hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình thông qua điện thoại.

2. Liên hệ với các cá nhân, cơ quan, tổ chức có liên quan hoặc có thẩm quyền; khai thác thông tin trên phương tiện thông tin đại chúng, môi trường mạng để kiểm tra thông tin, tố cáo, tố giác ban đầu về hành vi vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình.

3. Chuyển, cung cấp thông tin, thông báo, tố cáo, tố giác hoặc giới thiệu người bị bạo lực gia đình tới các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền được được bảo vệ, hỗ trợ.

4. Phối hợp với các cơ quan, tổ chức, cá nhân, cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình để đáp ứng việc tiếp nhận, trao đổi, xác minh thông tin, thông báo, tố giác về vi phạm pháp luật trong phòng, chống bạo lực gia đình.

5. Tư vấn, hỗ trợ người làm công tác phòng, chống bạo lực gia đình tại các địa phương xây dựng, thực hiện kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với từng trường hợp người bị bạo lực gia đình là người yếu thế trong gia đình; theo dõi, đánh giá việc xây dựng và thực hiện kế hoạch này.

6. Tư vấn tâm lý, pháp luật, chính sách cho thành viên gia đình về phòng, chống bạo lực gia đình.

7. Lưu trữ, phân tích, tổng hợp thông tin để cung cấp, thông tin, thông báo, tố giác khi có yêu cầu của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền, đối với các vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình do Tổng đài phát hiện, tiếp nhận; thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất cho cơ quan quản lý nhà nước về gia đình và các cơ quan khác có thẩm quyền, trách nhiệm về phòng, chống bạo lực gia đình.

**Điều 7. Điều kiện bảo đảm hoạt động của Tổng đài điện thoại quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Tổng đài điện thoại quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình hoạt động 24 giờ tất cả các ngày, được Nhà nước bảo đảm nguồn lực hoạt động.

2. Được sử dụng chung số điện thoại 111, không thu phí viễn thông đối với người gọi đến, gọi đi và phí tư vấn đối với người gọi đến Tổng đài điện thoại quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình.

3. Được tiếp nhận viện trợ, hỗ trợ tài chính, kỹ thuật từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân; được quảng bá số điện thoại và các dịch vụ của Tổng đài điện thoại quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của pháp luật.

**Điều 8. Nguyên tắc bảo mật thông tin**

1. Mọi thông tin, thông báo, tố giác trong quá trình tiếp nhận, xác minh chỉ được phép cung cấp cho tổ chức, cá nhân có thẩm quyền nhằm bảo vệ đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình, sự an toàn của người cung cấp thông tin và người bị bạo lực gia đình.

2. Quá trình cung cấp, trao đổi thông tin phục vụ bảo vệ người bị bạo lực gia đình giữa nơi tiếp nhận thông tin và cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền, phải được bảo quản, không công bố rộng rãi trên phương tiện thông tin đại chúng.

3. Thông tin, báo cáo định kỳ, đột xuất của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, chức năng bảo vệ người bị bạo lực gia đình trong trường hợp cần thiết phải nêu đầy đủ, chi tiết thông tin thì phải xác định mức độ bảo mật và phạm vi cung cấp thông tin, báo cáo.

**Điều 9. Tiếp nhận và phối hợp xử lý thông tin**

1. Các cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân nếu phát hiện hoặc có thông tin về hành vi bạo lực gia đình, hành vi khác vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình có trách nhiệm thông báo ngay cho Tổng đài điện thoại quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình hoặc các địa chỉ tiếp nhận tin báo, tố giác hành vi bạo lực gia đình theo quy định tại Điều 19 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình (sau đây gọi là nơi tiếp nhận thông tin).

Tổ chức, cá nhân quy định tại Điều 19 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình khi tiếp nhận tin báo, tố giác bạo lực gia đình có trách nhiệm ghi chép đầy đủ thông tin về hành vi bạo lực gia đình theo mẫu số …, hành vi khác vi phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình theo mẫu số …. tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

2. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có sau khi tiếp nhận tin báo, tố giác có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, xác minh tính xác thực của thông tin. Thực hiện việc xử lý tin báo, tố giác về bạo lực gia đình theo quy định của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình hoặc theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

**Điều 10. Đánh giá về tình trạng ban đầu khi tiếp nhận thông tin vụ việc bạo lực gia đình**

1. Tổng đài điện thoại quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình có trách nhiệm chuyển ngay thông tin đến Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra vụ việc để thực hiện việc đánh giá nguy cơ ban đầu về mức độ tổn hại và nguy cơ tổn hại đến sức khỏe, tính mạng của người bị bạo lực gia đình.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra vụ việc căn cứ tính chất vụ việc phân công người tiến hành việc đánh giá nguy cơ ban đầu, mức độ tổn hại của người bị bạo lực gia đình theo Mẫu số …. tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này để có cơ sở áp dụng hoặc không áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp.

3. Trường hợp người bị bạo lực gia đình được xác định có nguy cơ bị tổn hại nghiêm trọng về tính mạng, sức khỏe, nhân phẩm thì trong vòng …. giờ từ khi nhận thông tin, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải áp dụng các biện pháp cấm tiếp xúc theo quy định tại Điều … của Nghị định này.

**Mục 2**

**CẤM TIẾP XÚC**

**Điều 11. Nguyên tắc khi thực hiện biện pháp cấm tiếp xúc**

1. Ưu tiên bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người yếu thế trong gia đình.

2. Trước khi áp dụng cấm tiếp xúc, người bị bạo lực gia đình được thông báo đầy đủ các quyền và nghĩa vụ trong đó bao gồm cả quyền được lựa chọn chỗ ở ngay tại nhà.

Trường hợp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tự quyết định theo thẩm quyền thì phải bảo đảm chỗ ở an toàn cho người bị bạo lực gia đình.

3. Cấm tiếp xúc không thay thế biện pháp xử lý người có hành vi bạo lực gia đình. Việc xử lý người có hành vi bạo lực gia đình khi áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc cần phải được thực hiện bằng biện pháp hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự.

**Điều 12. Hình thức đề nghị thực hiện quyết định cấm tiếp xúc**

1. Gửi giấy đề nghị hoặc gửi thư điện tử hoặc fax.

2. Gọi điện đến số điện thoại quốc gia hoặc số điện thoại đường dây nóng của Ủy ban nhân dân xã.

3. Trực tiếp đến trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã.

**Điều 13. Giấy đề nghị**

1. Người bị bạo lực gia đình hoặc người giám hộ gọi điện thoại hoặc đến trực tiếp trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã đề nghị cấm tiếp xúc không yêu cầu bắt buộc phải có giấy đề nghị.

2. Người bị bạo lực gia đình hoặc người giám hộ gửi giấy đề nghị cần có những nội dung sau đây:

a) Thông tin về người đề nghị và người bị bạo lực gia đình (họ và tên, tuổi, giới tính, địa chỉ nơi cư trú);

b) Thông tin về người có hành vi bạo lực gia đình (họ và tên, tuổi, giới tính, địa chỉ nơi cư trú);

c) Mô tả về hành vi bạo lực gia đình.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền gửi giấy đề nghị ngoài nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều này còn phải bổ sung biên bản hòa giải do cơ quan, tổ chức cá nhân có thẩm quyền đã thực hiện hòa giải.

**Điều 14. Trình tự thực hiện quyết định cấm tiếp xúc theo đề nghị**

1. Người bị bạo lực gia đình, người giám hộ, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền quy định tại Điều 25 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình thực hiện đề nghị với Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã về việc cấm tiếp xúc.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã khi nhận được đề nghị cấm tiếp xúc phải tổ chức ngay việc xác minh thông tin để bổ sung chứng cứ ra quyết định; thực bảo vệ người bị bạo lực gia đình trong quá trình xác minh thông tin.

3. Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận được đề nghị quy định tại Điều 5 Nghị định này phải hoàn thành việc xác minh thông tin và quyết định cấm tiếp xúc; trường hợp không ra quyết định thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho cơ quan, tổ chức, người đề nghị biết.

4. Việc giám sát thực hiện cấm tiếp xúc theo quy định tại Điều 27 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định cấm tiếp xúc có trách nhiệm xử lý người có hành vi bạo lực gia đình theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình và pháp luật có liên quan.

**Điều 15. Thực hiện cấm tiếp xúc theo đề nghị của người bị bạo lực gia đình**

1. Người bị bạo lực gia đình khi thấy người có hành vi bạo lực gia đình vẫn tiếp tục có hành vi gây tổn hại đến sức khỏe hoặc hoặc đe dọa gây tổn hại đến sức khỏe hoặc đe dọa tính mạng của mình thì có quyền đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi mình cư trú thực hiện quyết định cấm người có hành vi bạo lực gia đình tiếp xúc.

2. Việc đề nghị có thể được thực hiện bằng một trong số hình thức quy định tại Điều 5 Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã khi nhận được đề nghị của người bị bạo lực gia đình phải tổ chức xác minh ngay thông tin và trong thời hạn 4 giờ kể từ khi nhận được đề nghị phải ban hành Quyết định cấm tiếp xúc. Trường hợp không ban hành phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

**Điều 16. Cấm tiếp xúc theo đề nghị của người giám hộ**

1. Người giám hộ có đề nghị cấm tiếp xúc giữa người bị bạo lực gia đình và người có hành vi bạo lực gia đình trong các trường hợp người được mình giám hộ bị bạo lực gia đình, đã được yêu cầu chấm dứt ngay hành vi bạo lực nhưng vẫn tiếp tục có hành vi bạo lực gia đình gây tổn hại đến sức khỏe hoặc hoặc đe dọa gây tổn hại đến sức khỏe hoặc đe dọa tính mạng của người được mình giám hộ.

2. Việc đề nghị được thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã khi nhận được đề nghị của người giám hộ phải tổ chức xác minh ngay thông tin và trong thời hạn 8 giờ kể từ khi nhận được đề nghị phải ban hành Quyết định cấm tiếp xúc. Trường hợp không ban hành phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

**Điều 17. Cấm tiếp xúc theo đề nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền**

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền đề nghị cấm tiếp xúc giữa người bị bạo lực gia đình và người có hành vi bạo lực gia đình trong các trường hợp người bị bạo lực gia đình là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, hội viên, đoàn viên, thành viên của mình đã được hòa giải nhưng vẫn bị bạo lực gia đình. Hành vi bạo lực gia đình gây tổn hại đến sức khỏe hoặc hoặc đe dọa gây tổn hại đến sức khỏe hoặc đe dọa tính mạng của người bị bạo lực gia đình là cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, hội viên, đoàn viên, thành viên của mình.

2. Việc đề nghị được thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 5 Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã khi nhận được đề nghị của Cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận được đề nghị phải ban hành Quyết định cấm tiếp xúc. Trường hợp không ban hành phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.

**Điều 18. Nội dung quyết định cấm tiếp xúc**

1. Quyết định cấm tiếp xúc phải ghi rõ:

a) Ngày, tháng, năm ra quyết định; họ, tên, chức vụ của người ra quyết định;

b) Họ, tên, địa chỉ của người bị áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc;

c) Căn cứ áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc;

d) Lý do áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc;

đ) Nơi nhận quyết định cấm tiếp xúc.

2. Quyết định cấm tiếp xúc phải có chữ ký của người ra quyết định và phải được đóng dấu.

**Điều 19. Vi phạm quyết định cấm tiếp xúc**

Người được xác định là vi phạm cấm tiếp xúc trong trường hợp sau đây:

1. Bị cấm tiếp xúc nhưng đến gần người bị bạo lực gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Nghị định này mà không thuộc diện quy định tại Điều 20 Nghị định này.

2. Người không vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này nhưng sử dụng điện thoại, fax, thư điện tử hoặc sử dụng phương tiện, công cụ, hình thức khác để thực hiện hành vi bạo lực gia đình với người không được tiếp xúc.

**Điều 20. Trường hợp tiếp xúc trong thời gian thực hiện quyết định cấm tiếp xúc**

1. Người đang chấp hành quyết định cấm tiếp xúc được phép tiếp xúc với người bị bạo lực gia đình trong trường hợp sau đây:

a) Gia đình có việc tang lễ, cưới hỏi;

b) Gia đình có người bị tai nạn, bị bệnh nặng;

c) Tham gia khắc phục hậu quả thiên tai, hỏa hoạn, dịch bệnh;

d) Phải tiếp xúc theo phong tục, tập quán tốt đẹp của địa phương.

2. Thời gian được phép tiếp xúc tối đa không quá 4 giờ cho mỗi lần đề nghị và không quá 2 lần cho mỗi lần chấp hành quyết định cấm tiếp xúc.

3. Việc tiếp xúc theo quy định tại khoản 1 Điều này phải đáp ứng điều kiện sau đây:

a) Có đơn đề nghị gửi Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra tiếp xúc. Nội dung đơn đề nghị phải ghi rõ lý do tiếp xúc, địa điểm tiếp xúc, thời gian, khoảng thời gian, số lần tiếp xúc nhưng không được vượt quá quy định tại khoản 2 Điều này. Cuối đơn phải có ý kiến của đại diện gia đình của người có hành vi bạo lực gia đình và người bị bạo lực gia đình.

b) Được Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi xảy ra tiếp xúc đồng ý bằng văn bản. Văn bản đồng ý phải ghi rõ thời gian, khoảng thời gian, số lần tiếp xúc, địa điểm được tiếp xúc và người thực hiện giám sát việc tiếp xúc.

**Điều 21. Hủy bỏ quyết định cấm tiếp xúc**

1. Quyết định cấm tiếp xúc được hủy bỏ trong các trường hợp sau đây:

a) Theo đề nghị của người bị bạo lực gia đình;

b) Theo đề nghị của người giám hộ, cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền đã đề nghị cấm tiếp xúc;

c) Xét thấy biện pháp cấm tiếp xúc không còn cần thiết;

d) Phát hiện những thông tin làm căn cứ ra quyết định cấm tiếp xúc không chính xác.

2. Người ra quyết định áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc hoặc cấp trên trực tiếp của người ra quyết định cấm tiếp xúc là người có quyền hủy bỏ quyết định cấm tiếp xúc.

3. Quyết định hủy bỏ cấm tiếp xúc có hiệu lực ngay sau khi ký và được gửi tới người có hành vi bạo lực gia đình, người bị bạo lực gia đình, Công an xã và người đứng đầu cộng đồng dân cư nơi người bị bạo lực gia đình cư trú.

**Điều 22. Nơi ở cho người thực hiện quyết định cấm tiếp xúc**

1. Người bị bạo lực gia đình được lựa chọn chỗ ở khi thực hiện quyết định cấm tiếp xúc theo quy định của Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

a) Trường hợp người bị bạo lực gia đình lựa chọn chỗ ở là chỗ ở chung của người bị bạo lực gia đình và người có hành vi bạo lực gia đình thì người có hành vi bạo lực gia đình phải ra khỏi chỗ ở cho đến khi quyết định được hủy bỏ.

b) Trường hợp người bị bạo lực gia đình không có lựa chọn chỗ ở, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã chịu trách nhiệm bố trí chỗ ở an toàn cho người bị bạo lực gia đình và trẻ em, người cao tuổi (đi theo) trong thời gian quyết định cấm tiếp xúc.

2. Chi phí ăn, ở và sinh hoạt cho người bị bạo lực gia đình và người đi theo do người có hành vi bạo lực gia đình phải chi trả, trường hợp người có hành vi bạo lực gia đình không có khả năng chi trả cho người bị bạo lực gia đình và người đi kèm theo quy định tại điểm b, khoản 1 Điều này thì Nhà nước xem xét hỗ trợ theo quy định tại Nghị định này hoặc pháp luật có liên quan.

3. Người có hành vi bạo lực gia đình khi áp dụng biện pháp cấm tiếp xúc phải ra khỏi chỗ ở hợp pháp trong thời gian thực hiện quyết định phải tự túc về chỗ ở, trường hợp không có khả năng tự túc được chỗ ở thì được Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét cho mượn nhà sinh hoạt cộng đồng nhưng phải tự chi trả các chi phí trong thời gian lưu trú.

**Mục 3**

**CƠ SỞ CUNG CẤP DỊCH VỤ TRỢ GIÚP**

**PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH**

**Điều 23. Cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình là sơ sở được thành lập với mục tiêu chính là cung cấp dịch vụ về phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Các dịch vụ được cung cấp tại cơ sở theo đăng ký và có thể cung cấp một hoặc các dịch vụ quy định tại Điều 40 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình và Điều 13 Nghị định này.

3. Cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình và cá nhân tham gia trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình tại cơ sở được hưởng chính sách theo quy định..

**Điều 24. Điều kiện, yêu cầu với người đứng đầu cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Người đứng đầu cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình ngoài đáp ứng tiêu chuẩn quy định tại điểm a khoản 2 Điều 40 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình còn phải có chứng chỉ bồi dưỡng phổ biến kiến thức pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình trước khi cơ sở chính thức hoạt động.

2. Người đứng đầu cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình trực tiếp tham gia cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình ngoài đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này còn phải đáp ứng:

a) Có kiến thức và kinh nghiệm phù hợp với lĩnh vực cung cấp dịch vụ;

b) Có văn bằng, chứng chỉ chuyên môn, nghiệp vụ về dịch vụ tham gia cung cấp do cơ sở giáo dục trong nước hoặc ngoài nước cấp hoặc do cơ quan chuyên môn có chức năng đào tạo, bồi dưỡng cấp.

3. Yêu cầu đối với người đứng đầu cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình:

a) Tổ chức bảo vệ người bị bạo lực gia đình khi người có hành vi bạo lực gia đình đến cơ sở để nhằm mục đích thực hiện hành vi bạo lực hoặc gây áp lực để người bị bạo lực với trở về nhà;

b) Báo ngay cho cơ quan công an nơi gần nhất để được hỗ trợ bảo vệ người bị bạo lực gia đình và bảo vệ nhân viên của cơ sở trong trường hợp người có hành vi bạo lực gia đình đến cơ sở theo quy định tại điểm a Khoản này;

c) Báo ngay cho cơ quan công an khi phát hiện người bị bạo lực gia đình có dấu hiệu bị xâm hại tình dục hoặc bị tổn thương nghiêm trọng về sức khỏe.

**Điều 25. Điều kiện, yêu cầu đối với nhân viên cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Điều kiện để nhân viên tại cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình trực tiếp cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình

a) Phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại điểm b khoản 2 Điều 40 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình;

b) Chỉ cung cấp cung cấp dịch vụ đúng ngành nghề được đào tạo, bồi dưỡng hoặc tập huấn;

c) Phải lưu giữ hồ sơ về thông tin đời tư về người sử dụng dịch vụ phòng, chống bạo lực gia đình và chỉ cung cấp khi có yêu cầu của người đứng đầu cơ sở hoặc cơ quan có thẩm quyền. Khi cung cấp phải được lập biên bản để xác nhận người tiếp cận thông tin về hồ sơ đời tư người sử dụng dịch vụ phòng, chống bạo lực gia đình;

d) Khi phát hiện người sử dụng dịch vụ có dấu hiệu bị xâm hại tình dục hoặc bị tổn thương nghiêm trọng về sức khỏe thì phải báo ngay cho người đứng đầu cơ sở để người đứng đầu cơ sở thực hiện theo quy định điểm c khoản 3 Điều 16 Nghị định này.

**Điều 26. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với cơ sở cung cấp dịch vụ tạm lánh hoặc dịch vụ cung cấp giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi**

1. Cơ sở cung cấp dịch vụ tạm lánh phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:

a) Cơ sở cung cấp dịch vụ tạm lánh phải địa chỉ cụ thể, phải có tối thiểu một phòng tạm lánh đáp ứng điều kiện về diện tích tối thiểu theo quy định của pháp luật về nhà ở;

b) Phòng tạm lánh phải có giường, chiếu, chăn, màn, điện thắp sáng, quạt làm mát, vệ sinh khép kín hợp vệ sinh;

c) Phải có cửa khóa và cửa thoát hiểm trong trường hợp khẩn cấp;

d) Phải đáp ứng yêu cầu về phòng cháy, chữa cháy trong trường hợp cơ sở có số phòng phải thực hiện an toàn phòng, cháy chữa cháy;

đ) Phải niêm yết công khai giá dịch vụ bao gồm giá phòng, dịch vụ ăn, uống và dịch vụ khác trong trường hợp thu phí dịch vụ người tạm lánh tại cơ sở;

e) Người đứng đầu cơ sở tạm lánh và nhân viên cơ sở tạm lánh về phòng, chống bạo lực gia đình phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 24 và Điều 25 Nghị định này.

2. Cơ sở cung cấp dịch vụ giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện sau đây

a) Có địa chỉ cụ thể tại một địa điểm cố định.

b) Có diện tích tối thiểu 50m2 đối với địa bàn đô thị và 100m2 đối với địa bàn còn lại.

c) Người đứng đầu cơ sở và nhân viên cơ sở phải đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại Điều 24 và Điều 25 Nghị định này.

d) Phải niêm yết công khai giá dịch vụ bao gồm giá phòng, dịch vụ ăn, uống và dịch vụ khác trong trường hợp thu phí dịch vụ người tạm lánh tại cơ sở.

**Điều 27. Thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập của Cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động tại Việt Nam cho các cơ sở sau:

a) Cơ sở do tổ chức quốc tế lập để cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình hoạt động liên quốc gia hoặc quốc gia đặt trụ sở chính tại Việt Nam;

b) Cơ sở do các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan Trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội lập có thu phí dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình;

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho Cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình trong các trường hợp sau đây:

a) Cơ sở có trụ sở chính đặt tại tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương do các tổ chức, cá nhân nước ngoài không thuộc phạm vi quy định tại khoản 1 Điều này đăng ký thành lập;

b) Cơ sở do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập.

3. Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho Cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình do các tổ chức, cá nhân trong nước thành lập mà không thuộc các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này hoặc theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

**Điều 28. Quy định thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình**

Cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập hoặc cơ quan quản lý trực tiếp cơ quan cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập là cơ quan có thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận đăng ký thành lập.

**Điều 29. Trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập của cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Lập hồ sơ cơ sở.

2. Tiếp nhận hồ sơ:

a) Đối với hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 27 nộp tại bộ phận tiếp nhận hồ sơ thuộc Văn phòng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

b) Đối với hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 27 nộp tại bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (tiếp nhận hồ sơ của lĩnh vực văn hóa, gia đình).

c) Đối với hồ sơ theo quy định tại khoản 3 Điều 27 nộp tại bộ phận một cửa của Ủy ban nhân dân huyện (tiếp nhận hồ sơ của lĩnh vực văn hóa, gia đình).

3. Xử lý hồ sơ

a) Bộ phận tiếp nhận hồ sơ tại khoản 2 Điều này có trách nhiệm rà soát hồ sơ trước khi tiếp nhận. Việc tiếp nhận phải được thực hiện bằng văn bản ghi rõ thời gian hẹn trả kết quả;

b) Trong thời gian 1 ngày làm việc bộ phận tiếp nhận hồ sơ phải chuyển hồ sơ đến bộ phận chuyên môn tham mưu quản lý nhà nước về phòng, chống bạo lực gia đình;

c) Bộ phận chuyên môn tiếp nhận hồ sơ trong thời gian 7 ngày làm việc phải có ý kiến trả lời về việc hồ sơ điều điều kiện hay không đủ điều kiện trình cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động. Trường hợp đủ điều kiện trình cấp có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thì trong thời gian 1 ngày kể từ khi có kết luận đủ điều kiện trình, người được phân công tham mưu thẩm định phải trình hồ sơ đến người có thẩm quyền xem xét cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.

d) Trong thời gian 2 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ trình, người có thẩm quyền phải cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động. Trường hợp từ chối phải nêu rõ lý do và phải có văn bản gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân xin cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động.

**Điều 30. Hồ sơ đăng ký hoạt động đối với cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình có thu phí dịch vụ gồm có:**

1. Đơn đăng ký hoạt động của Cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Dự thảo quy chế hoạt động của Cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình.

3. Bảng giá dịch vụ thu của người sử dụng dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình và bản diễn giải dự kiến sử dụng nguồn kinh phí thu được từ cung cấp dịch vụ phòng, chống bạo lực gia đình (nếu có thu phí).

4. Bảng mô tả nhân lực theo vị trí việc làm tương ứng với nội dung đăng ký và cơ sở vật chất được cơ quan, tổ chức bố trí cho cơ sở hoạt động hoặc nguồn kinh phí được cam kết viện trợ, tài trợ, hỗ trợ để thực hiện trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình.

5. Xác nhận bằng văn bản của Ủy ban nhân dân cấp xã về địa chỉ trụ sở hoạt động của Cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình.

6. Các giấy tờ, tài liệu khác chứng minh bảo đảm đáp ứng được các điều kiện hoạt động (nếu có).

**Điều 31.** **Tạm đình chỉ, thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của Cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình trong quá trình hoạt động không còn bảo đảm đủ điều kiện theo quy định tại Nghị định này thì bị tạm đình chỉ hoạt động cho đến khi bảo đảm đủ điều kiện hoạt động.

2. Cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động trong các trường hợp sau đây:

a) Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động được cấp cho cơ sở không đúng thẩm quyền hoặc không đúng quy định của pháp Luật;

b) Sau 12 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động, cơ sở không hoạt động;

c) Cơ sở thay đổi Mục đích hoạt động;

d) Cơ sở bị giải thể.

3. Cơ quan đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động cho Cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình là cơ quan có thẩm quyền ra quyết định tạm đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của cơ sở đó.

**Mục 4**

**CƠ SỞ KHÁC THAM GIA TRỢ GIÚP**

**PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH**

**Điều 32. Cơ sở khác tham gia trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Cơ sở khác tham gia trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình là cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp đã được thành lập hoặc đang thành lập mà mục tiêu chính của việc thành lập không để thực hiện nhiệm vụ phòng, chống bạo lực gia đình và hoạt động chính của cơ quan, tổ chức không thuộc trường hợp quy định tại Điều 36, 37, 38 và Điều 40 Luật Phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Điều kiện, yêu cầu đối với người đứng đầu và đối với nhân viên cơ sở tham gia trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình thực hiện theo quy định tại Điều 24 và Điều 25 Nghị định này.

3. Tiêu chuẩn, điều kiện đối với cơ sở tham gia cung cấp dịch vụ tạm lánh hoặc cung cấp dịch vụ giáo dục, hỗ trợ chuyển đổi hành vi thực hiện theo quy định tại Điều 26 Nghị định này.

4. Thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký nội dung và phạm vi hoạt động theo quy định tại Điều 27 Nghị định này.

5. Thẩm quyền thu hồi giấy chứng nhận đăng ký tham gia cung cấp dịch vụ phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định tại Điều 28 Nghị định này. Tạm đình chỉ, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định tại Điều 31 Nghị định này.

6. Cơ sở tham gia phòng, chống bạo lực gia đình có nội dung, phạm vi hoạt động thuộc quy định của pháp luật chuyên ngành khác còn phải đáp ứng các quy định của pháp luật chuyên ngành có liên quan.

**Điều 33. Nội dung, phạm vi đăng ký hoạt động đối với cơ sở khác tham gia trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Các cơ sở khác tham gia trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình theo nhu cầu và khả năng đáp ứng có thể tham gia một hoặc các nội dung sau đây

a) Tư vấn về tâm lý tình cảm, tư vấn pháp luật, tư vấn trị liệu tâm thần;

b) Thực hiện chăm sóc sức khỏe, hỗ trợ người bị bạo lực gia đình;

c) Bố trí nơi tạm lánh;

d) Đào tạo nghề, giới thiệu việc làm cho người bị bạo lực gia đình, người có hành vi bạo lực gia đình;

đ) Giáo dục chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình; Giáo dục kỹ năng kiểm soát hành vi bạo lực gia đình; Hỗ trợ cai nghiện rượu, bia và các chất gây nghiện khác;

e) Tập huấn, phổ biến kiến thức, kỹ năng về phòng, chống bạo lực gia đình;

g) Tuyên truyền, vận động phòng, chống bạo lực gia đình;

h) Triển khai dự án, đề án, mô hình can thiệp ở cộng đồng, địa chỉ tin cậy ở cộng đồng;

i) Các hoạt động khác liên quan đến phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của pháp luật và theo thực tiễn.

2. Phạm vi đăng ký hoạt động đối với cơ sở khác tham gia phòng, chống bạo lực gia đình

a) Cơ sở khác tham gia hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình được hoạt động theo phạm vi mà hoạt động chính của cơ sở được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp;

b) Căn cứ phạm vi hoạt động của cơ quan, tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép hoặc cho phép hoạt động, cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện đăng ký phạm vi hoạt động tham gia phòng, chống với cơ quan quản lý nhà nước theo thẩm quyền.

**Điều 34. Trình tự, thủ tục đăng ký nội dung và phạm vi hoạt động**

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập cơ sở khác tham gia phòng, chống bạo lực gia đình thực hiện gửi hồ sơ cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về việc để được cấp giấy chứng nhận đã đăng ký nội dung, phạm vi hoạt động theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị định này.

2. Hồ sơ đăng ký nội dung, phạm vi hoạt động theo quy định tại Điều 30 Nghị định này.

**Mục 5**

**NỘI DUNG, MỨC CHI CHO HOẠT ĐỘNG**

**PHÒNG, CHỐNG BẠO LỰC GIA ĐÌNH**

**Điều 35. Nội dung chi cho hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Nội dung chi cho hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình bao gồm:

a) Xây dựng, rà soát, văn bản quy phạm pháp luật, phổ biến, triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình;

b) Nhiệm vụ chi công tác phòng, chống bạo lực gia đình; hỗ trợ các cơ sở hỗ trợ người bị bạo lực gia đình, các cơ sở phòng, chống bạo lực gia đình ngoài công lập; hỗ trợ hoạt động nhóm phòng, chống bạo lực gia đình; các loại hình câu lạc bộ về phòng, chống bạo lực gia đình;

c) Hoạt động thông tin, tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình trên các phương tiện thông tin đại chúng (*báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử*), mạng internet và các hình thức tuyên truyền khác;

d) Tổ chức chiến dịch truyền thông, mít tinh, hội nghị, hội thi, sáng kiến về phòng, chống bạo lực gia đình, cuộc thi, liên hoan, giao lưu, diễn đàn, tọa đàm, các lớp nói chuyện truyền thông, giáo dục chuyên đề;

đ) Biên soạn, biên dịch, xuất bản các ấn phẩm bao gồm bài giảng, sách, đặc san, tài liệu chuyên đề, tài liệu tham khảo, hướng dẫn nghiệp vụ về phòng, chống bạo lực gia đình;

e) Hoạt động của Ban chỉ đạo công tác gia đình; cộng tác viên dân số và gia đình; công tác hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp trong gia đình; giáo dục chuyển đổi hành vi và hỗ trợ kiểm soát hành vi bạo lực gia đình;

g) Xây dựng, triển khai các chương trình, dự án, đề án, mô hình phòng, chống bạo lực gia đình;

h) Xác minh thông tin, thu thập, thống kê và phân tích thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu về phòng, chống bạo lực gia đình, viết báo cáo hàng năm phản ánh tình hình bạo lực gia đình;

i) Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và tập huấn nghiệp vụ để nâng cao năng lực, kỹ năng nghiệp vụ về phòng, chống bạo lực gia đình cho cán bộ, công chức, viên chức, cộng tác viên thực hiện công tác gia đình;

k) Nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế về phòng, chống bạo lực gia đình;

l) Mua sắm trang thiết bị; làm ngoài giờ; trợ cấp kiêm nhiệm nhiệm vụ;

m) Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo, sơ, tổng kết, đánh giá, khen thưởng trong phòng, chống bạo lực gia đình;

2. Nội dung chi, mức chi cho các hoạt động đặc thù quy định tại các điểm … khoản …. Điều này thực hiện theo quy định tại các Điều ….. Nghị định này. Nội dung chi, mức chi cho các hoạt động khác quy định tại khoản … Điều này thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi do cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và quy định của pháp luật.

3. Nội dung chi, mức chi các hoạt động phòng, chống bạo lực gia đình từ nguồn viện trợ, tài trợ, tặng cho, đóng góp, hỗ trợ, ủng hộ của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật hoặc các nguồn tài chính hợp pháp khác thực hiện theo quy định của tổ chức, cá nhân viện trợ, tài trợ, tặng cho, đóng góp, hỗ trợ, ủng hộ và quy định của pháp luật.

**Điều 36. Nội dung chi, mức chi xây dựng, rà soát văn bản quy phạm pháp luật, phổ biến, triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Chi xây dựng, rà soát văn bản quy phạm pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của pháp luật xây dựng văn bản quy phạm pháp luật.

2. Chi phổ biến, triển khai thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật.

**Điều 37. Nội dung chi, mức chi cho hoạt động thông tin, tuyên truyền, giáo dục, phổ biến kiến thức pháp luật về phòng, chống bạo lực gia đình trên các phương tiện thông tin đại chúng, mạng internet và các hình thức tuyên truyền khác**

1. Nội dung và mức chi nhuận bút xây dựng bản tin, phóng sự, clip, tọa đàm về phòng, chống bạo lực gia đình tuyên truyền trên báo chí, phát thanh, truyền hình mạng internet và các hình thức tuyên truyền khác thực hiện theo quy định tại Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ quy định chế độ nhuận bút trong lĩnh vực báo chí, xuất bản.

2. Chi tổ chức các buổi giao lưu, các buổi lễ mít tinh, tuyên truyền, cổ động về phòng, chống bạo lực gia đình:

a) Chi nước uống cho người tham dự: 20.000 đồng/người/buổi; chi thù lao cho người tham dự tối đa 100.000 đồng/người/buổi;

b) Chi báo cáo viên: 2.000.000 đồng/người/buổi;

c) Chi tài liệu: tối đa 15.000 đồng/người;

d) Chi thuê hội trường, phông, bạt, bàn ghế, thiết bị loa đài (nếu có): Mức chi thực hiện theo hợp đồng, giấy biên nhận hoặc hoá đơn tài chính (trong trường hợp thuê dịch vụ);

đ) Chi truyền thanh (xây dựng, biên tập, phát thanh): Mức chi xây dựng, biên tập 100.000 đồng/trang 350 từ; bồi dưỡng phát thanh viên 20.000 đồng/lần;

e) Mức chi xây dựng và in tài liệu truyền thông căn cứ theo giá thị trường tại địa phương và quy định của pháp luật.

3. Chi hỗ trợ các buổi biểu diễn văn nghệ, tiểu phẩm tại cộng đồng về phòng, chống bạo lực gia đình:

a) Bồi dưỡng luyện tập chương trình mới: Mức bồi dưỡng cho 01 buổi tập chương trình mới tối đa không quá 100.000 đồng/người/buổi. Số buổi tập tối đa cho một chương trình mới là 10 buổi;

b) Mức bồi dưỡng trong chương trình biểu diễn tối đa không quá 300.000 đồng/người/buổi.

4. Chi thù lao người dẫn chương trình và biểu diễn văn nghệ tại lễ mít tinh, chiến dịch truyền thông về phòng, chống bạo lực gia đình:

a) Dẫn chương trình: 2.000.000 đồng/người/buổi;

b) Bồi dưỡng tập luyện chương trình mới theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

c) Biểu diễn văn nghệ tiết mục cá nhân tối đa 500.000 đồng/người/tiết mục; tiết mục tập thể tối đa không quá 5.000.000đ và không quá 300.000đ/người/tiết mục tập thể.

5. Chi hỗ trợ hoạt động của các đội tuyên truyền lưu động trong các đợt mở chiến dịch tuyên truyền tại cộng đồng, cơ quan, đơn vị, tổ chức:

a) Chi hỗ trợ cho những người trực tiếp tham gia đội tuyên truyền lưu động về phòng, chống bạo lực gia đình tại cộng đồng: chi bồi dưỡng tham gia các buổi tuyên truyền 100.000 đồng/người/buổi; chi hỗ trợ tập luyện tuyên truyền 50.000 đồng/người/buổi;

b) Mức chi xăng xe hoặc thuê phương tiện, chụp ảnh tư liệu, thiết bị, dụng cụ tuyên truyền, cổ động và các hoạt động khác theo thực tế căn cứ vào hóa đơn, chứng từ, giá thị trường tại địa phương và quy định của pháp luật;

6. Mức chi thù lao cho các cộng tác viên tham gia công tác tuyên truyền về phòng, chống bạo lực gia đình theo hướng dẫn về cộng tác viên tuyên truyền của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tối đa 500.000 đồng/người/tháng.

**Điều 38. Chi tổ chức** **chiến dịch truyền thông, mít tinh, hội nghị, hội thi, sáng kiến về phòng, chống bạo lực gia đình, cuộc thi, liên hoan, giao lưu, diễn đàn, tọa đàm, các lớp nói chuyện truyền thông, giáo dục chuyên đề về phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Biên soạn đề thi và đáp án (nếu có): Mức tối đa 1.000.000 đồng/đề thi.

2. Bồi dưỡng chấm thi, Ban giám khảo cuộc thi, xét công bố kết quả thi: Mức tối đa 500.000 đồng/người/buổi.

3. Bồi dưỡng thành viên Ban tổ chức, thư ký cuộc thi: Mức tối đa 350.000 đồng/người/buổi.

4. Chi giải thưởng:

a) Đối với cuộc thi cấp trung ương: Giải tập thể tối đa 30.000.000 đồng/giải thưởng; giải cá nhân tối đa 20.000.000 đồng/giải thưởng;

b) Đối với cuộc thi cấp tỉnh: Giải tập thể tối đa 20.000.000 đồng/giải thưởng; giải cá nhân tối đa 10.000.000 đồng/giải thưởng;

c) Đối với cuộc thi cấp huyện: Giải tập thể tối đa 10.000.000 đồng/giải thưởng; giải cá nhân tối đa 5.000.000 đồng/giải thưởng;

d) Đối với cuộc thi cấp cơ sở: Giải tập thể tối đa 5.000.000 đồng/giải thưởng; giải cá nhân tối đa 2.500.000 đồng/giải thưởng.

5. Chi tổng hợp, báo cáo kết quả cuộc thi: Tối đa 1.000.000 đồng/báo cáo.

6. Chi hỗ trợ tiền ăn, ở, đi lại cho thành viên ban tổ chức, thành viên hội đồng thi trong những ngày tổ chức cuộc thi, thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ công tác phí đối với cán bộ, công chức, viên chức nhà nước.

7. Chi hỗ trợ tiền ăn, ở, đi lại cho thí sinh tham gia cuộc thi (kể cả ngày tập luyện và thi, tối đa không quá 10 ngày), áp dụng mức chi hỗ trợ tiền ăn, nghỉ đối với đại biểu không hưởng lương theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ chi hội nghị, công tác phí. Những người đã được hưởng khoản hỗ trợ nêu trên thì không được thanh toán công tác phí ở cơ quan.

8. Thu thập thông tin, tư liệu, lập hệ cơ sở dữ liệu tin học hoá (đối với cuộc thi qua mạng điện tử) thực hiện theo quy định của pháp luật.

9. Thuê dẫn chương trình: Tối đa 2.000.000 đồng/người/buổi.

10. Thuê hội trường và thiết bị phục vụ cuộc thi sân khấu: Mức chi theo thực tế căn cứ hóa đơn, chứng từ, trường hợp không có hóa đơn chứng từ thì thực hiện khoán trọn gói tối đa 500.000đ/buổi.

11. Thuê diễn viên biểu diễn văn nghệ theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị định này.

12. Chi họp báo thông cáo báo chí về cuộc thi

a) Chi xây dựng thông cáo báo chí tối đa 1.000.000đ/thông báo;

b) Chi thù lao cho phóng viên, báo chí tham gia họp báo tối đa 100.000đ/người/buổi họp báo;

c) Chi người chủ trì điều hành họp báo tối đa 300.000đ/buổi họp báo;

d) Chi người tham gia trả lời câu hỏi của phóng viên, báo chí tại buổi họp báo tối đa 200.000đ/người/buổi.

13. Chi tuyên truyền về cuộc thi

Nội dung chi, mức chi tuyên truyền về cuộc thi theo quy định tại Điều 34 Nghị định này.

14. Các khoản chi khác phục vụ cuộc thi thực hiện theo chế độ của Nhà nước. Trường hợp chưa có quy định mức chi, Thủ trưởng cơ quan tổ chức cuộc thi quyết định mức chi trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước được giao.

**Điều 39. Nội dung chi và mức chi hoạt động của Ban chỉ đạo công tác gia đình; cộng tác viên dân số và gia đình; công tác hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp trong gia đình**

1. Nội dung chi và mức chi hoạt động của Ban chỉ đạo công tác gia đình các cấp

a) Chi họp Ban chỉ đạo định kỳ hàng tháng tối đa 100.000đ/người/buổi và không quá 12 buổi/năm;

b) Chi họp Ban chỉ đạo công tác gia đình đột xuất 100.000đ/người/buổi và không quá 6 buổi/năm;

c) Chi nước uống họp Ban chỉ đạo theo quy định đối với chi nước uống các cuộc hội nghị, hội thảo;

d) Chi văn phòng phẩm, tài liệu phục vụ cuộc họp tối đa không quá 20.000đ/người/buổi họp;

đ) Các chi phí khác áp dụng theo quy định đi công tác.

2. Nội dung chi và mức chi công tác viên dân số và gia đình

a) Cộng tác viên dân số và gia đình được nhận hỗ trợ thù lao hằng tháng nhưng không vượt quá 1,5 lần mức hỗ trợ đối với công tác viên chỉ thực hiện nhiệm vụ công tác dân số kế hoạch hóa gia đình;

b) Cộng tác viên dân số và gia đình không thuộc diện đóng bảo hiểm y tế bắt buộc được phát thẻ bảo hiểm y tế trong thời gian tham gia cộng tác viên dân số và gia đình. Mức phí mua bảo hiểm ý tế áp dụng theo quy định đối với hộ gia đình;

c) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm lập kế hoạch kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước hàng năm và tổ chức mua bảo hiểm y tế cho cộng tác viên dân số và gia đình.

3. Nội dung chi và mức chi công tác hòa giải mâu thuẫn, tranh chấp trong gia đình theo định mức chi hòa giải ở cơ sở.

**Điều 40. Chi nghiên cứu xây dựng, triển khai** **các sáng kiến, chương trình, dự án, đề án, mô hình phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Chi nghiên cứu xây dựng sáng kiến, mô hình phòng, chống bạo lực gia đình trong cộng đồng được thực hiện theo quy định của pháp luật về nội dung và mức chi thực hiện các hoạt động nghiên cứu, điều tra, khảo sát, đánh giá.

2. Chi soạn thảo đề án, dự án, sáng kiến mô hình phòng, chống bạo lực gia đình trong cộng đồng: Mức chi tối đa 20.000.000 đồng/đề án, dự án, mô hình.

3. Chi cho cộng tác viên tham gia triển khai đề án, dự án, mô hình phòng, chống bạo lực gia đình trong cộng đồng: Mức chi theo thực tế số ngày tham gia, 100.000 đồng/ngày hoặc khoán chi tối đa 2.000.000 đồng/tháng.

4. Các khoản chi khác thực hiện theo thực tế, căn cứ vào hóa đơn, chứng từ và theo các quy định của pháp luật.

**Điều 41. Nội dung chi, mức chi hoạt động tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình đối với cơ sở công lập không thực hiện thu phí dịch vụ tư vấn và người thuộc các cơ quan, tổ chức công lập được phân công kiêm nhiệm thực hiện tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Chi hỗ trợ thiết lập phòng, bộ phận tư vấn: điện thoại, máy tính, thiết bị, vật tư thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, ngân sách.

2. Mức chi xây dựng và in tài liệu phục vụ hoạt động tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình theo thực tế và phù hợp với nội dung tư vấn.

3. Chi thù lao người thực hiện tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình:

a) Chi cho nhân viên tư vấn theo hợp đồng lao động. Mức tiền công và các khoản phụ cấp của người lao động được trả theo thỏa thuận dựa trên năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc của người lao động và các quy định của pháp luật về chế độ tiền lương, tiền công;

b) Chi cho cán bộ, công chức kiêm nhiệm thêm nhiệm vụ tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình làm đêm, làm thêm giờ thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động và văn bản hướng dẫn về thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

4. Chi các khoản điện, nước, văn phòng phẩm, phô tô tài liệu để duy trì hoạt động: Mức chi theo thực tế nhưng không quá 5.000.000 đồng/tháng/cơ sở.

5. Mức chi cho tổng đài điện thoại tư vấn phòng ngừa bạo lực gia đình theo thực tế phù hợp với nội dung và thời gian tư vấn.

**Điều 42. Nội dung chi, mức chi hỗ trợ đối với cơ sở khác tham gia trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình và cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình không thu phí dịch vụ trợ giúp**

1. Nội dung chi, mức chi hỗ trợ đối với cơ sở khác tham gia trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình không thu phí dịch vụ trợ giúp

a) Chi hỗ trợ tiền ăn, nghỉ và sinh hoạt phí cho người bị bạo lực gia đình đến tạm lánh tại cơ sở tối đa 200.000đ/ngày đối với cơ sở ở các khu đô thị, các địa bàn còn lại mức hỗ trợ tối đa 150.000đ/người/ngày. Tổng số ngày tối đa không quá 5 ngày/người/lượt.

b) Chi hỗ trợ cho người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước thực hiện tư vấn, chăm sóc người bị bạo lực gia đình tại cơ sở không thu phí dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình mức chi tối đa 50.000đ/ca tư vấn hoặc khoán trọn gói không quá mức lương cơ sở áp dụng đối với nơi cơ sở thực hiện trợ giúp.

c) Chi hỗ trợ điện, nước, khấu hao máy móc, thiết bị tối đa không quá 1.000.000đ/tháng/ cơ sở.

d) Mức chi cho tổng đài điện thoại thực hiện trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình theo thực tế phù hợp với nội dung và thời gian thực hiện trợ giúp.

2. Nội dung chi, mức chi hỗ trợ đối với cơ sở cung cấp dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình không thu phí dịch vụ trợ giúp

a) Chi hỗ trợ tiền ăn, nghỉ và sinh hoạt phí cho người bị bạo lực gia đình đến tạm lánh tại cơ sở tối đa 200.000đ/ngày đối với cơ sở ở các khu đô thị, các địa bàn còn lại mức hỗ trợ tối đa 150.000đ/người/ngày. Tổng số ngày tối đa không quá 10 ngày/người/lượt;

b) Chi hỗ trợ cho người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước thực hiện tư vấn, chăm sóc người bị bạo lực gia đình tại cơ sở không thu phí dịch vụ trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình mức chi tối đa 50.000đ/ca tư vấn hoặc khoán trọn gói không quá mức lương cơ sở áp dụng đối với nơi cơ sở thực hiện trợ giúp;

c) Chi hỗ trợ điện, nước, khấu hao máy móc, thiết bị tối đa không quá 5.000.000đ/tháng/ cơ sở;

d) Mức chi cho tổng đài điện thoại thực hiện trợ giúp phòng, chống bạo lực gia đình theo thực tế phù hợp với nội dung và thời gian thực hiện trợ giúp.

**Điều 43. Nội dung chi và mức chi thống kê, thu thập và phân tích thông tin, xây dựng cơ sở dữ liệu về phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Chi xây dựng biểu mẫu thống kê, thu thập thông tin về bạo lực gia đình, mức chi theo quy định đối với xây dựng biểu mẫu điều tra, khảo sát.

2. Chi số hóa biểu mẫu theo quy định về thiết lập thông tin điện tử.

3. Chi nhập thông tin, số liệu vào biểu mẫu theo quy định về nhập thông tin, dữ liệu điện tử.

4. Chi tích hợp dữ liệu phòng, chống bạo lực gia đình với cơ sở dữ liệu quốc gia có liên quan theo ngày công lao động.

5. Chi thiết lập hệ thống mã hóa và tự động phân tích, báo cáo thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành của cơ quan quản lý.

6. Chi thuê chuyên gia phục vụ phân tích chuyên sâu về dữ liệu phục vụ xây dựng chính sách và đánh giá hiệu quả của chính sách trong phòng, chống bạo lực gia đình.

7. Chi xây dựng và vận hành cổng thông tin điện tử về cơ sở dữ liệu phòng, chống bạo lực gia đình.

8. Chi vận hành cơ sở dữ liệu về phòng, chống bạo lực gia đình.

**Điều 44. Chi vận hành số điện thoại quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Chi phí xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật vận hành số điện thoại quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình.

2. Chi phí vận hành số điện thoại quốc gia phòng, chống bạo lực gia đình.

3. Bộ Tài chính quy định chi tiết nội dung chi, mức chi vận hành số điện thoại quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình.

**Điều 45. Chi hoạt động phối hợp liên ngành trong phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Chi tổ chức hoạt động phối hợp theo kế hoạch, chương trình ký kết song phương, đa phương. Nội dung chi và mức chi theo quy định áp dụng các hoạt động cụ thể. Kinh phí thực hiện do cơ quan phối hợp lập trên cơ sở kế hoạch được các bên ký kết.

2. Các hoạt động kiểm tra, giám sát liên ngành, cơ quan chủ trì tổ chức hoạt động có trách nhiệm chi phí các hoạt động theo chế độ công tác phí đối với người tham gia gia đoàn công tác thuộc cơ quan phối hợp liên ngành.

**Điều 46. Nội dung chi và mức chi thực hiện giáo dục chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình**

1. Chi biên soạn tài liệu giáo dục chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình tối đa 150.000đ/trang. Chi biên tập tài liệu giáo dục chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình tối đa 75.000đ/trang.

2. Chi dịch thuật, biên dịch tài liệu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt và từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài theo quy định về dịch thuật.

3. Chi xây dựng bộ câu hỏi trắc nghiệm đánh giá kết quả giáo dục chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình theo chi tiêu xây dựng bộ công cụ điều tra, khảo sát.

4. Chi số hóa tài liệu giáo dục chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình, biểu mẫu bộ câu hỏi trắc nghiệm theo quy định về số hóa dữ liệu.

5. Chi đào tạo, bồi dưỡng kiến thức kỹ năng cho người thực hiện giáo dục chuyển đổi hành vi bạo lực gia đình

6. Các chi phí khác áp dụng tương tự theo quy định hiện hành.

**Điều 47. Nội dung chi và mức chi thực hiện giáo dục kỹ năng kiểm soát hành vi bạo lực gia đình**

1. Chi biên soạn tài liệu giáo dục kỹ năng nhận diện hành vi bạo lực và kiểm soát hành vi bạo lực gia đình.

2. Chi dịch thuật, biên dịch tài liệu từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt và từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài theo quy định về dịch thuật.

3. Chi xây dựng bộ câu hỏi trắc nghiệm đánh giá kết quả giáo dục kỹ năng nhận diện hành vi bạo lực và kiểm soát hành vi bạo lực gia đình theo quy định về điều tra, khảo sát.

4. Chi số hóa tài liệu giáo dục kỹ năng nhận diện hành vi bạo lực và kiểm soát hành vi bạo lực gia đình.

5. Chi đào tạo, bồi dưỡng kiến thức kỹ năng cho người thực hiện giáo dục kỹ năng nhận diện hành vi bạo lực và kiểm soát hành vi bạo lực gia đình

6. Các chi phí khác áp dụng tương tự theo quy định hiện hành.

**Điều 48. Chi sơ, tổng kết**

1. Chi xây dựng báo sơ, tổng kết

a) Chi xây dựng báo cáo sơ kết, tổng kết mức chi tối đa 12.000.000đ/báo cáo;

b) Chi xây dựng báo cáo chuyên đề mức chi tối đa 8.000.000đ/báo cáo;

c) Chi viết bài tham luận, bài kỷ yếu hội nghị sơ kết, tổng kết, đánh giá mức chi tối đa 2.000.000đ/tham luận.

2. Chi thuê hội trường, âm thanh, ánh sáng, khánh tiết theo thực tế căn cứ hóa đơn, chứng từ, trường hợp không có hóa đơn chứng từ thì thực hiện khoán trọn gói tối đa 500.000đ/buổi.

3. Chi hỗ trợ tiền ăn, ở, đi lại cho thành viên ban tổ chức, đại biểu tham dự hội nghị sơ kết, tổng kết theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ công tác phí đối với cán bộ, công chức, viên chức nhà nước.

4. Chi hỗ trợ tiền ăn, ở, đi lại cho đại biểu không hưởng lương theo quy định của Bộ Tài chính về chế độ chi hội nghị, công tác phí. Những người đã được hưởng khoản hỗ trợ nêu trên thì không được thanh toán công tác phí ở cơ quan.

5. Thuê dẫn chương trình tại hội nghị tối đa 2.000.000 đồng/người/buổi.

6. Thuê diễn viên/quần chúng biểu diễn văn nghệ, tiểu phẩm sân khấu tại hội nghị tổng kết hoăc theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Nghị định này.

7. Chi họp báo thông cáo báo chí về cuộc thi

a) Chi xây dựng thông cáo báo chí tối đa 1.000.000đ/thông báo;

b) Chi thù lao cho phóng viên, báo chí tham gia họp báo tối đa 100.000đ/người/buổi họp báo;

c) Chi người chủ trì điều hành họp báo tối đa 300.000đ/buổi họp báo;

d) Chi người tham gia trả lời câu hỏi của phóng viên, báo chí tại buổi họp báo tối đa 200.000đ/người/buổi;

8. Chi tuyên truyền về kết quả sơ kết, tổng kết

Nội dung chi, mức chi tuyên truyền về cuộc thi theo quy định tại Điều 37 Nghị định này.

9. Các khoản chi khác phục vụ sơ kết, tổng kết trường hợp chưa có quy định mức chi, Thủ trưởng cơ quan tổ chức hội nghị sơ kết, tổng quyết định mức chi trong phạm vi dự toán ngân sách nhà nước được giao.

**Điều 49. Chi thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo**

Chi thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm pháp luật, giải quyết khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật về thanh tra, khiếu nại, tố cáo.

**Điều 50. Chi biểu dương, khen thưởng trong phòng, chống bạo lực gia đình**

1. Chi biểu dương tập thể, cá nhân có thành tích trong công tác phòng, chống bạo lực gia đình

a) Chi biểu dương theo chuyên đề hoặc đột xuất cho người có đóng góp quan trọng, đặc biệt quan trọng đối với công tác phòng, chống bạo lực gia đình theo tiêu chí, hình thức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

b) Tổ chức, cá nhân được biểu dương ngoài được ghi nhận bằng văn bản còn được tặng quà là hiện vật có giá trị không quá 300.000đ đối với cá nhân và 600.000đ đối với tập thể.

2. Chi khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích trong phòng, chống bạo lực gia đình

a) Chi khen thưởng cho người tham gia phòng, chống bạo lực gia đình được thực hiện hằng năm;

b)Mức chi khen thưởng theo quy định của pháp luật thi đua và khen thưởng.

**Chương** **III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 51. Hiệu lực thi hành**

Nghị định này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2023.

**Điều 52. Tổ chức thực hiện và trách nhiệm thi hành**

1. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ tổ chức thực hiện Nghị định này.

2. Bộ Tài chính có trách nhiệm cân đối, bố trí ngân sách nhà nước để thực hiện phòng, chống bạo lực gia đình theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Ban Bí thư Trung ương Đảng; - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ; - Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ; - HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW; - Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng; - Văn phòng Tổng Bí thư; - Văn phòng Chủ tịch nước; - Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội; - Văn phòng Quốc hội; - Tòa án nhân dân tối cao; - Viện kiểm sát nhân dân tối cao; - Kiểm toán nhà nước; - Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia; - Ngân hàng Chính sách xã hội; - Ngân hàng Phát triển Việt Nam; - Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam; - Cơ quan trung ương của các đoàn thể; - VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT,  các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo; - Lưu: VT, KTTH (2). | **TM. CHÍNH PHỦ THỦ TƯỚNG**  **Phạm Minh Chính** |